Ngành : Dầu khí (Báo cáo gần nhất: Link)

Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (HSX: PVD)
Chuyển mình nhờ thị trường khoan hồi phục

Khuyến nghị **MUA**

Giá hiện tại:	**20,500**	Ngày viết báo cáo:	09/09/2022	**Cơ cấu cổ đông**	
Giá mục tiêu trước đây:	**19,800**	Cổ phiếu lưu hành (Triệu)	421,129	VIETNAM OIL & GAS GROUP	50.46%
Giá mục tiêu mới:	**27,100**	Vốn hóa (tỷ đồng)	11.174	EATON VANCE CORPORATION	0.1%
Tỷ suất cổ tức:	**- %**	Thanh khoản bình quân 6 tháng:	12,837,910	LEMANIK ASSET MANAGEMENT	0.1%
Tiềm năng tăng giá:	**32.2%**	Sỡ hữu nước ngoài	16.16%	PHẠM TIẾN DŨNG	0.04%

Chuyên viên phân tích ngành:
Dương Quang Minh
(Dầu khí)
minhdq@bsc.com.vn

Chuyên viên phân tích kỹ thuật:
Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Giá khuyến nghị: 24,000
Giá cắt lỗ: 19,500

Bảng so sánh giá CP và VN- Index

Bảng so sánh P/E và VN index

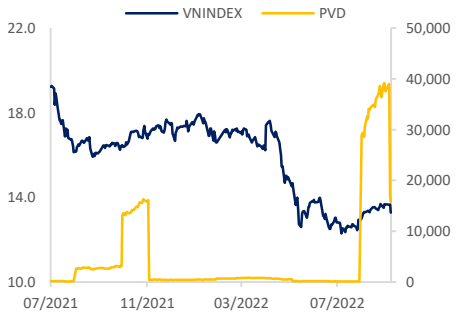

Định giá

- BSC thay đổi khuyến nghị đối với PVD từ theo dõi thành **MUA**, với giá mục tiêu cho năm 2023 là **27,100 VND/CP** (tương đương **upside 32%** so với giá đóng cửa ngày 09/09/2022 là 20,500 VND/CP) dựa trên phương pháp P/B và EV/EBITDA với tỷ trọng là 50% - 50%.

Dự báo kết quả kinh doanh

- **BSC dự báo DTT và LNST năm 2022 của PVD đạt lần lượt là 5,698 tỷ VND (+43% YoY) và 47 tỷ VND (+28% YoY)**, EPS FW = 60 VND/CP với giả định (1) Hiệu suất hoạt động các giàn khoan tự nâng đạt mức trung bình 81%, (2) Giá cho thuê giàn khoan trung bình năm 2022 đạt 67,000 USD/ngày (+30% YoY), và (3) Trích lập dự phòng thêm 54 tỷ VND phải thu từ đối tác KrisEnergy.
- **Năm 2023, BSC dự báo DTT và LNST của PVD lần lượt đạt 6,681 tỷ VND (+17% YoY) và 218 tỷ VND (+364% YoY)**, EPS FW = 281 VND/CP với giả định (1) Giá dầu trung bình năm 2023 đạt 90 USD/thùng (-10% YoY), (2) Hiệu suất hoạt động các giàn khoan tự nâng đạt mức trung bình 88% cho cả năm, và (3) Giá cho thuê giàn khoan trung bình năm 2022 tăng lên mức 78,000 USD/ngày (+15% YoY).

Quan điểm đầu tư

- Hiệu suất sử dụng giàn khoan tự nâng tăng trở lại nhờ nhu cầu được cải thiện, trong khi nguồn cung khó tăng thêm trong ngắn hạn
- Giá thuê ngày giàn khoan tự nâng dự kiến tăng lên trên 70,000 USD kể từ cuối năm 2022
- Chuỗi dự án Lô B – Ô Môn nếu được triển khai có thể đem lại nguồn công việc lớn cho PVD giai đoạn 2023 – 2024.

Rủi ro

- Giá dầu biến động mạnh ảnh hưởng tới giá thuê giàn và lợi nhuận của PVD.
- HSHĐ trung bình các giàn khoan tự nâng thấp hơn kỳ vọng.

Cập nhật doanh nghiệp

- Trong quý 2/2022, PVD ghi nhận DTT đạt 1,505 tỷ VND (+35% YoY), và **lỗ sau thuế 74 tỷ VND** (cùng kỳ lãi 43 tỷ VND) do (1) lợi nhuận gộp giảm mạnh, thậm chí mảng dịch vụ khoan còn lỗ gộp gần 40 tỷ VND, (2) lợi nhuận từ LDLK giảm 61% YoY do khối lượng công việc giảm, và (3) chi phí tài chính tăng 36 tỷ VND (+84% YoY) do lỗ tỷ giá.
- Lũy kế 6M2022, DTT của PVD đạt 2,651 tỷ VND (+60% YoY), hoàn thành 56% KH về doanh thu, và ghi nhận lỗ ròng 149 tỷ VND (cùng kỳ lỗ 67 tỷ VND). Trong đó, PVD đã trích lập 44 tỷ VND nợ xấu đối với KrisEnergy (khoảng 94 tỷ VND tính tới hết quý 3).

	2020	2021	2022E	VN-Index
PE (x)	75.5	-583.3	355	13.6
PB (x)	0.5	0.8	0.8	2.1
PS (x)	1.8	2.3	1.9	1.7
ROE (%)	1.3	0.3	0.3	14.7
ROA (%)	0.9	0.2	0.2	2.4
EV/ EBITDA (x)	12.5	13.6	13.7	N/A

	2019	2020	2021	2022E
Doanh thu	5,500	4,368	5,228	5,698
Lợi nhuận gộp	397	450	328	485
Lợi nhuận sau thuế	197	184	184	43
EPS	396	304	278	60
Tăng trưởng EPS	435%	-23%	-9%	-268%
Nợ ròng/ VCSH	28%	27%	28%	29%

CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

Bảng 1: Cập nhật tình hình kinh doanh Q2.2022

Tỷ đồng	Q2/2022	Q2/2021	% yoy	6M2022	6M2021	% yoy
Doanh thu thuần	**1,505**	**1,112**	**35%**	**2,651**	**1,662**	**60%**
- Dịch vụ khoan	988	436	127%	1,736	673	158%
- Thương mại	13	279	-95%	23	381	-94%
- Khác	504	397	27%	892	608	47%
Lợi nhuận gộp	123	112	10%	193	84	130%
GPM	*8.2%*	*10.0%*		*7.3%*	*5.0%*	
Lãi/lỗ từ CTLDLK	13	35	-61%	9	44	-80%
CP bán hàng	3	2	19%	4	4	10%
CP QLDN	130	131	-1%	216	214	1%
SG&A/Rev	*8.8%*	*12.0%*		*8.3%*	*13.1%*	
EBIT	-9	-21	-57%	-27	-134	-80%
DT tài chính	29	40	-28%	55	81	-32%
CP tài chính	-78	-42	84%	-133	-85	56%
LN khác	-15	37	-139%	-28	35	-180%
LNTT	**-59**	**48**	**-225%**	**-124**	**-59**	**111%**
LNST	**-74**	**43**	**-270%**	**-149**	**-67**	**123%**

Nguồn: PVD, BSC Research

Trong quý 2/2022, doanh thu thuần của PVD đạt 1,505 tỷ VND (+35% YoY). Doanh thu của PVD tăng trưởng trong quý 2 đến từ (1) đơn giá cho thuê giàn khoan tự nâng tăng 14%, và (2) đóng góp từ giàn khoan PV Drilling V, và phát sinh thêm 1 giàn khoan thuê trong kỳ. Tuy nhiên, **PVD vẫn ghi nhận lỗ 74 tỷ VND** (cùng kỳ lãi 43 tỷ VND) do (1) giá vốn tăng mạnh 43% YoY khiến lợi nhuận gộp bị thu hẹp, thậm chí mảng dịch vụ khoan còn lỗ gộp gần 40 tỷ VND, (2) lợi nhuận từ LDLK giảm 61% YoY do khối lượng công việc giảm, và (3) chi phí tài chính tăng 36 tỷ VND (+84% YoY) do lỗ tỷ giá.

Lũy kế 6M2022, DTT của PVD đạt 2,651 tỷ VND (+60% YoY), hoàn thành 56% KH về doanh thu, và ghi nhận **lỗ ròng 149 tỷ VND (cùng kỳ lỗ 67 tỷ VND)**. Trong đó, PVD đã trích lập 44 tỷ VND nợ xấu đối với KrisEnergy (khoảng 94 tỷ VND tính tới hết quý 3).

PVD đã tiến hành chia cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%. Mới đây, công ty đã phát hành thêm 50.5 triệu cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông. Đây là lần trả cổ tức thứ 2 trong năm nay của PVD, khi trước đó vào tháng 4, công ty đã phát hành thêm 84.2 triệu cổ phiếu để trả cổ tức cho năm 2019 và 2020 (tổng tỷ lệ là 20%).

TRIỂN VỌNG KINH DOANH NĂM 2022

Các giàn khoan của PVD được đảm bảo việc làm trong thời gian tới. Lịch trình khoan tự nâng sẽ tích cực hơn nhờ vào sự gia tăng chi tiêu vốn cho hoạt động thăm dò và sản xuất (E&P) ở Đông Nam Á. Do đó, BSC cho rằng các hoạt động khoan của PVD sẽ còn tiếp tục phục hồi khi lịch trình khoan đã được lấp đầy ít nhất cho tới hết năm nay. Trong đó:

- Giàn PVD I và PVD III đã ký hợp đồng dài hạn từ giữa năm 2021, và sẽ tiếp tục thực hiện khoan cho đến năm 2023 (tham khảo báo cáo gần nhất)
- Giàn PVD II và PVD VI sẽ được gia hạn và ký mới cho các chiến dịch khoan tại Premier Oil Indo, Hoàng Long – Hoàn Vũ JOC (HLHV), và Premier Oil Vietnam Offshore (POVO) kể từ nửa cuối năm 2022.

Bên cạnh đó, giàn khoan TAD sau thời gian dài không có việc làm đã được tái khởi động trở lại, với giá thuê giàn trung bình là 90,000 USD/ngày, cũng sẽ đóng góp vào dòng tiền hoạt động cho PVD trong thời gian tới.

Bảng 2: Cập nhật lịch khoan năm 2022 của PVD

	Q1	Q2	Q3	Q4
PVD I	VSP			
PVD II		VSP	Premier Oil Indo	HLHV
PVD III	Repsol Malaysia – BOC			
PVD VI		ENI	POVO	
Giàn TAD		Brunei Shell Petroleum		
Landrig 11	GBRS			
Hakuryu-11	Idenmitsu			

Nguồn: PVD, BSC Research

Nguồn cung từ các hoạt động khai thác dầu thô vẫn chưa có sự cải thiện. Theo thống kê của Baker Hughes, trong vòng 5 năm qua, số lượng giàn khoan tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương không hề tăng, thậm chí còn giảm nhẹ. Nguyên nhân chính là bởi chi phí vốn đầu tư (CAPEX) cho các giàn khoan khai thác dầu thô là tương đối lớn, trong khi giá dầu thô có xu hướng biến động mạnh. Do đó, BSC cho rằng nguồn cung về giàn khoan khai thác trong thời gian tới sẽ khó tăng lên trong ngắn hạn, bất chấp giá dầu hồi phục và nhu cầu tiêu thụ dầu thô tăng trở lại sau đại dịch.

Hình 1: Số lượng giàn khoan khu vực Châu Á – TBD và biến động giá dầu 5 năm

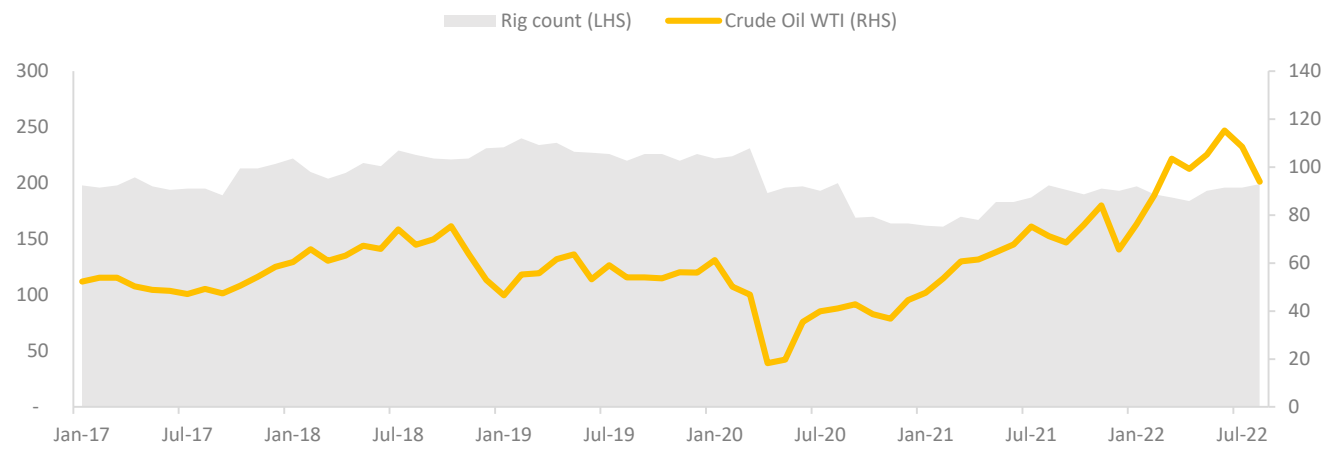

Nguồn: Baker Hughes, Bloomberg, BSC Research

Vì vậy, BSC dự báo hiệu suất sử dụng giàn khoan tự nâng sẽ có xu hướng tăng trở lại. Theo IHS Markit, tính đến đầu tháng 8/2022 có tới 49 giàn khoan đã có hợp đồng trong tổng số 56 giàn khoan có thể làm việc tại khu vực Đông Nam Á, nâng hiệu suất hoạt động của các giàn khoan lên 87.5% (so với 75% cùng kỳ). Trong bối cảnh giá dầu vẫn đang duy trì cao hơn mức hòa vốn sản xuất (khoảng 55 USD/thùng), nhu cầu đối với các hoạt động thượng nguồn dự kiến sẽ tiếp tục tăng cao, dẫn đến giá ngày được cải thiện và khối lượng công việc nhiều hơn cho PVD. Với việc các

dàn khoan dự kiến có việc làm đầy đủ cho tới hết năm, **BSC dự báo hiệu suất hoạt động các giàn khoan tự nâng của PVD sẽ đạt mức trung bình 81% cho cả năm 2022, và 88% cho năm 2023.**

Hình 3: Chi phí hòa vốn khai thác dầu thô tại một số quốc gia

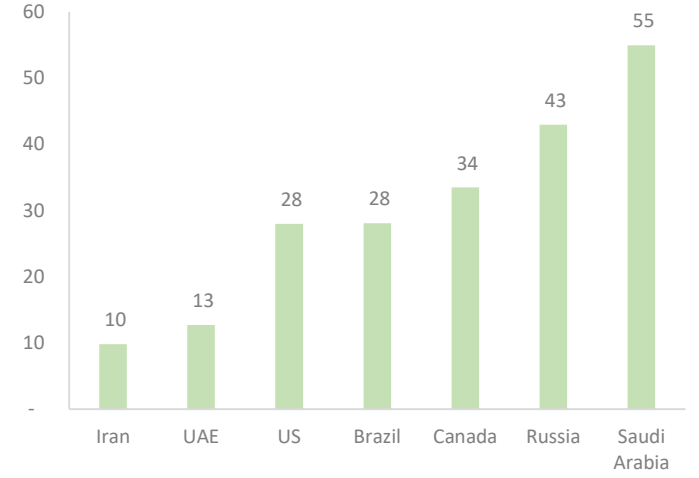

Hình 4: Hiệu suất sử dụng giàn khoan của PVD dự kiến tăng trong giai đoạn 2022 – 2023

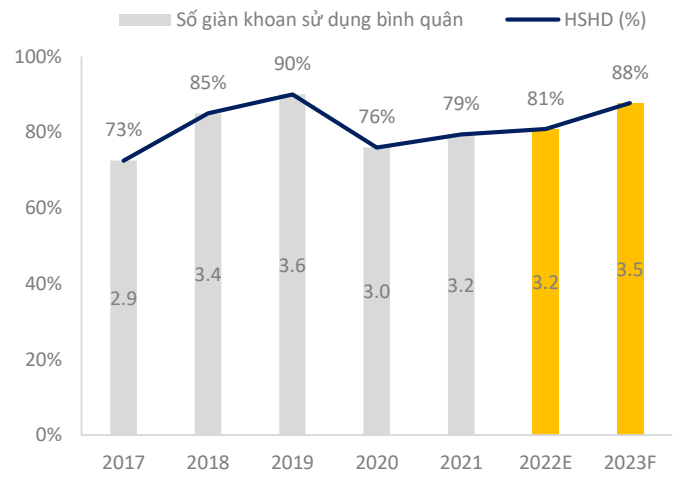

Nguồn: Rystad Energy, PVD, BSC Research

Giá thuê ngày giàn khoan tự nâng của PVD sẽ phục hồi mạnh kể từ cuối năm 2022 trở đi. Theo dữ liệu của IHS Markit, giá thuê trung bình giàn JU ở khu vực Đông Nam Á đang phục hồi mạnh mẽ lên mức trên 90.000 USD/ngày, cao hơn nhiều so với giá thuê trung bình của PVD trong 6M2022 (khoảng 57,000 USD/ngày). Nguyên nhân chính là bởi hầu hết các hợp đồng của PVD giai đoạn trước đều được ký kết trong năm 2020, thời điểm nhu cầu E&P không cao. Bên cạnh đó, ban lãnh đạo PVD cho biết công ty đã tiến hành gia hạn các hợp đồng kể từ tháng 8, với mức giá mới không dưới 70,000 USD/ngày. Do đó, BSC nâng dự báo giá thuê ngày giàn khoan tự nâng của PVD lên mức 67,000 USD/ngày (+30% YoY) cho cả năm 2022.

Hình 5: Giá thuê ngày giàn khoan tự nâng của PVD (nghìn USD/ngày)

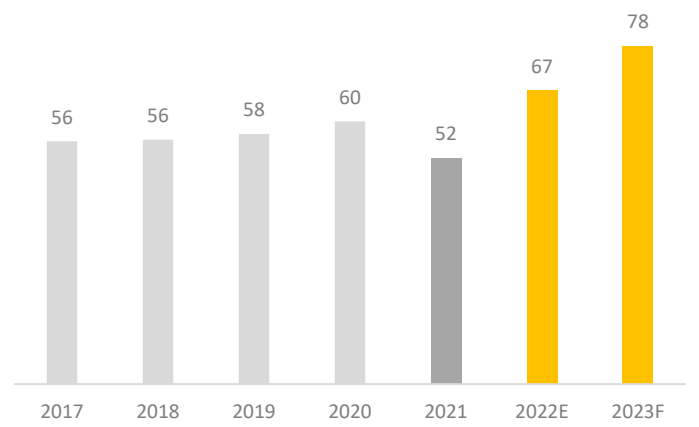

Hình 6: HSHĐ và giá thuê giàn khoan tự nâng khu vực ĐNA đang có xu hướng phục hồi

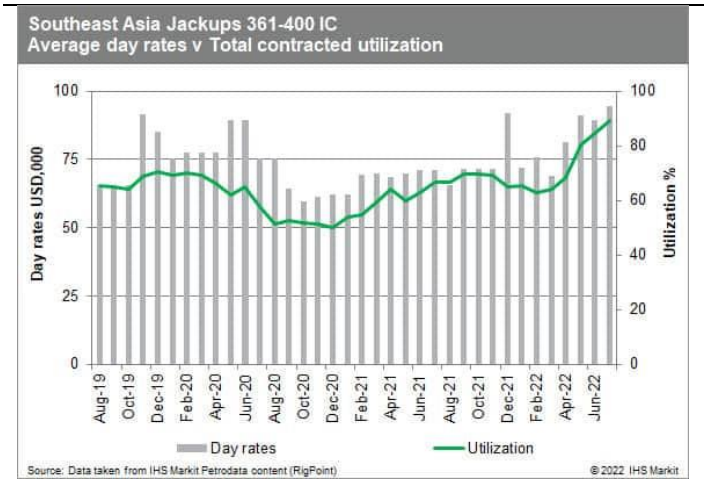

Nguồn: Bloomberg, IHS Markit, BSC Research

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

BSC dự phóng KQKD năm 2022 của PVD đạt DTT và LNST lần lượt là **5,698 tỷ VND** (**+43% YoY**) và **47 tỷ VND** (**+28% YoY**), EPS FW = **60 VND/CP** với giả định:

- Giá dầu trung bình năm 2022 đạt 100 USD/thùng (+37% YoY)
- Hiệu suất hoạt động các giàn khoan tự nâng đạt mức trung bình 81%
- Giá cho thuê giàn khoan trung bình năm 2022 đạt 67,000 USD/ngày (+30% YoY)
- Số giàn khoan thuê ngoài trung bình tăng từ 0.3 giàn năm 2021 lên 0.7 giàn do nhu cầu khoan trong khu vực tăng trở lại.
- Trích lập dự phòng thêm 54 tỷ VND phải thu từ đối tác KrisEnergy.

Cho năm 2023, BSC dự báo doanh thu và LNST của PVD lần lượt đạt 6,681 tỷ VND (+17% YoY) và 218 tỷ VND (+364% YoY), EPS FW = 281 VND/CP với giả định:

- Giá dầu trung bình năm 2023 đạt 90 USD/thùng (-10% YoY)
- Hiệu suất hoạt động các giàn khoan tự nâng đạt mức trung bình 88% cho cả năm
- Giá cho thuê giàn khoan trung bình năm 2022 tăng lên mức 78,000 USD/ngày (+15% YoY)
- Số giàn khoan thuê ngoài trung bình đạt 0.8 giàn.

Bảng 3: Dự phóng KQKD của PVD

Đv: Tỷ VND	2020	2021	2022E	2023F
Doanh thu thuần	**5,228**	**3,995**	**5,698**	**6,681**
- Dịch vụ khoan	3,074	1,848	3,060	3,823
- Thương mại	329	490	597	647
- Khác	1,831	1,668	2,041	2,211
Giá vốn hàng bán	(4,900)	(3,624)	(5,213)	(6,059)
Lợi nhuận gộp	**328**	**371**	**485**	**621**
Biên LN gộp	*6.3%*	*9.3%*	*8.5%*	*9.3%*
CP bán hàng	(16)	(13)	(18)	(22)
CP QLDN	(315)	(386)	(403)	(422)
SG&A/DTT	*6.3%*	*10.0%*	*7.4%*	*6.6%*
DT tài chính	159	164	128	136
CP tài chính	(202)	(171)	(258)	(228)
Thu nhập khác	30	(7)	(12)	32
LNTT	**200**	**62**	**60**	**273**
LNST	**181**	**37**	**47**	**218**
EPS	**278**	**(36)**	**60**	**281**

Nguồn: BSC Research

ĐỊNH GIÁ VÀ KHUYẾN NGHỊ

BSC thay đổi khuyến nghị đối với PVD từ theo dõi thành **MUA**, với giá mục tiêu cho năm 2023 là **27,100 VND/CP** (tương đương **upside 32%** so với giá đóng cửa ngày 09/09/2022 là 20,500 VND/CP) dựa trên phương pháp P/B và EV/EBITDA với tỷ trọng là 50% - 50%. Chúng tôi cho rằng triển vọng kinh doanh của PVD sẽ trở nên tích cực hơn trong thời gian tới nhờ đơn giá cho thuê và hiệu suất sử dụng giàn tăng cao do sự phục hồi của thị trường khoan khu vực. Rủi ro giảm giá bao gồm hiệu suất hoạt động các giàn khoan thấp hơn dự kiến, và lợi nhuận từ hoạt động khoan thấp hơn dự kiến do ảnh hưởng bởi biến động giá dầu.

Phương pháp	Định giá (VND/CP)	Tỷ trọng (%)	Giá bình quân
P/B với P/B mục tiêu 1.0x	27,200	50%	13,600
EV/EBITDA	26,940	50%	13,470
Giá mục tiêu (VND/ CP)			**27,100**
Giá đóng cửa ngày 09/09/2022			20,500
Upside			**32.2%**

Phương pháp EV/EBITDA	
EBITDA 2022F (tỷ VND)	1,211
EV/EBITDA (x)	12.00
Giá trị doanh nghiệp	14,533
(+) Tiền và tương đương tiền	3,132
(-) Nợ ngắn hạn và dài hạn	4,053
Giá trị vốn chủ sở hữu	13,613
Số cổ phiếu lưu hành (triệu)	505
Giá mục tiêu	**26,940**

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Stock PE

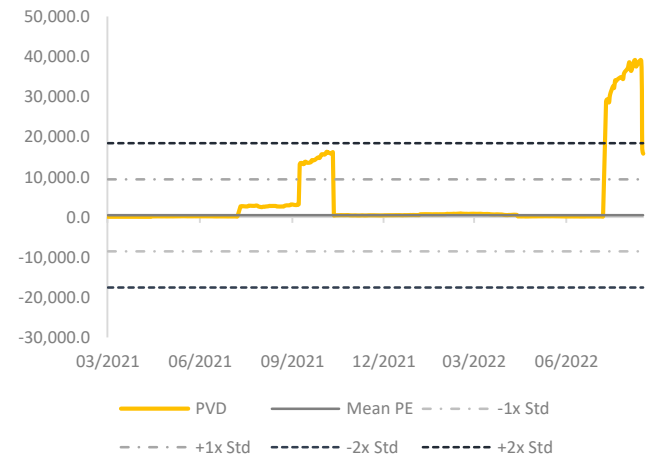

Stock PB

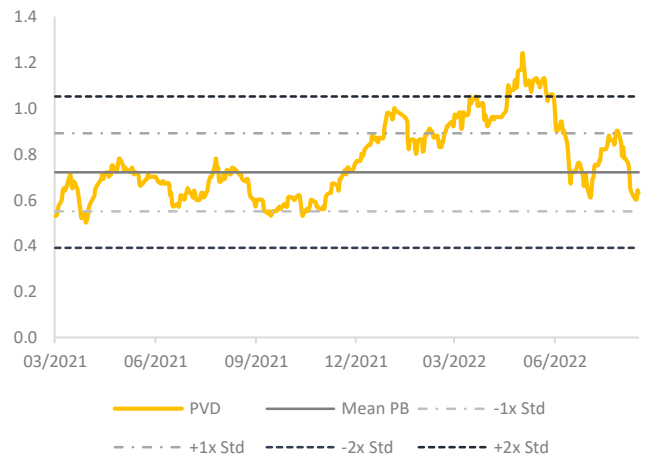

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

PHỤ LỤC

	2019	2020	2021	2022F
Doanh thu thuần	**4,368**	**5,228**	**3,995**	**5,698**
Giá vốn hàng bán	-3,918	-4,900	-3,624	-5,213
Lợi nhuận gộp	**450**	**328**	**371**	**485**
Chi phí bán hàng	-17	-16	-13	-18
Chi phí QLDN	-397	-315	-386	-403
Lãi/lỗ HĐKD	**37**	**-3**	**-27**	**63**
Doanh thu tài chính	165	159	164	128
Chi phí tài chính	-241	-202	-171	-258
Chi phí lãi vay	-158	-119	-109	-191
Lợi nhuận từ CTLD/LK	111	216	104	138
Lãi/lỗ khác	118	30	-7	-12
Lợi nhuận trước thuế	189	200	62	60
Thuế thu nhập DN	-17	-19	-26	-13
LN sau thuế	**172**	**181**	**37**	**47**
CĐTS	-12	-4	17	4
LNST - CĐTS	184	184	20	43
EBITDA	938	822	708	955
EPS	304	278	-36	60

	2019	2020	2021	2022F
(Lỗ)/LNTT	189	200	62	60
Khấu hao	591	503	534	704
Thay đổi VLĐ	-640	-98	-745	-456
Điều chỉnh khác	-217	-292	-229	-218
LCTT từ HĐ KD	**-77**	**313**	**-376**	**90**
Tiền chi mua TSCĐ	-53	-552	-608	-109
Tiền từ đầu tư khác	-170	-700	1,065	161
LCTT từ HĐ Đầu tư	**-223**	**-1,252**	**457**	**52**
Tiền chi trả cổ tức	-3	-3	-3	0
Vay ròng	-85	114	89	25
Tiền thu khác	0	0	0	0
LCTT từ HĐ Tài chính	**-87**	**127**	**151**	**25**
Dòng tiền đầu kỳ	2,265	1,890	925	1,131
Tiền trong kì	-388	-812	232	166
Dòng tiền cuối kỳ	**1,890**	**1,078**	**1,131**	**1,297**

	2019	2020	2021	2022F
Tiền & tương đương tiền	1,890	1,075	1,131	1,297
Đầu tư ngắn hạn	1,033	1,197	1,544	1,544
Phải thu ngắn hạn	1,907	1,806	1,936	2,506
Tồn kho	835	959	758	1,142
TS ngắn hạn khác	39	78	60	368
TS ngắn hạn	**5,705**	**5,114**	**5,429**	**6,857**
TS hữu hình	23,378	23,361	23,187	23,358
Khấu hao	-9,611	-10,039	-10,402	-11,133
TS dở dang dài hạn	28	206	921	967
Đầu tư dài hạn	1,051	1,790	602	632
TS dài hạn khác	157	229	797	325
TS dài hạn	**15,187**	**15,739**	**15,332**	**14,352**
Tổng TS	**20,892**	**20,853**	**20,761**	**21,210**
Phải trả ngắn hạn	836	695	780	1,317
Vay ngắn hạn	521	635	748	798
Nợ ngắn hạn khác	1,505	1,474	1,502	1,636
Tổng Nợ ngắn hạn	**2,862**	**2,804**	**3,030**	**3,751**
Vay dài hạn	3,230	3,231	3,206	3,181
Nợ dài hạn khác	831	779	693	701
Tổng Nợ dài hạn	**4,061**	**4,010**	**3,899**	**3,882**
Tổng Nợ	**6,923**	**6,814**	**6,930**	**7,633**
Vốn góp	4,215	4,215	4,215	5,051
Thặng dư vốn cổ phần	2,434	2,434	2,434	2,434
LN chưa phân phối	3,805	1,936	1,923	1,072
Vốn chủ khác	3,267	5,206	5,020	4,778
Cổ đông thiểu số	247	247	240	242
Tổng VCSH	**13,968**	**14,039**	**13,832**	**13,577**
Tổng nguồn vốn	**20,892**	**20,853**	**20,761**	**21,210**
Số CP lưu hành (triệu)	421	421	421	505

	2019	2020	2021	2022F
Khả năng thanh toán				
Hsố TT ngắn hạn	0.82	0.75	0.78	0.90
Hsố TT nhanh	0.70	0.61	0.67	0.75
Cơ cấu vốn				
Hsố Nợ/TTS	33%	33%	33%	36%
Hsố Nợ/VCSH	50%	49%	50%	56%
Năng lực hoạt động				
Số ngày HTK	74.31	66.84	74.26	66.50
Số ngày phải thu	134.40	85.89	78.08	104.42
Số ngày phải trả	82.26	55.64	61.82	68.37
CCC	126.45	97.09	90.52	102.55
Tỉ suất lợi nhuận				
Lợi nhuận gộp	10%	6%	9%	9%
Lợi nhuận LNST	4%	3%	1%	1%
ROE	1%	1%	0.3%	0.3%
ROA	1%	1%	0.2%	0.2%
Định Giá				
PE	18.6	27.3	59	355
PB	0.5	0.5	0.9	0.8
Tăng trưởng				
Tăng trưởng DTT	-21%	20%	-24%	43%
Tăng trưởng EBIT	-14%	-8%	-46%	46%
Tăng trưởng LNTT	-19%	6%	-69%	-4%
Tăng trưởng EPS	-23%	-9%	-113%	-268%

Nguồn: BSC Research

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

PVD_Tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích cực.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định:

PVD đang nằm trong xu hướng hồi phục từ ngưỡng đáy 14.0. Thanh khoản cổ phiếu duy trì tại ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng nhịp với xu hướng vận động củ cổ phiếu. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên ngưỡng MA20 và MA50, báo hiệu xu hướng tăng giá đang duy trì. Chỉ báo MACD vẫn đang cho thấy dấu hiệu tiêu cực và RSI đ xu hướng hồi phục. Khuyến nghị nhà đầu có thể mở vị thế tại ngưỡng 20.5 và chốt lãi khi cổ phiếu trở về ngưỡng đỉnh 24.0. Cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 19.5.

Nguồn: BSC Research

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10&11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

https://www.bsc.com.vn
https://www.facebook.com/BIDVSecurities

Bloomberg: RESP BSCV <GO>